

Bản án số: 1193/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2020.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên toà: Bà Đỗ
Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án hôn nhân
gia đình thụ lý số 862/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày
27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Phòng 703, Lầu 7, Số 123 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành
phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Thiện T, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, Xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Phòng 703, Lầu 7, Số 123 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành
phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn ly hôn đề ngày 14/9/2020, bản tự khai và các biên bản hòa giải
trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T bày:*

Bà và ông Trần Thiện T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/10/2013.
Trong thời gian chung sống có 1 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống cùng mẹ bà tại Phòng 703, Lầu 7, Số
123 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ
chồng thời gian đầu cũng hạnh phúc. Nhưng sau đó do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vì vậy, sau 3 năm kết hôn vợ chồng bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không thể hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi trẻ Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thiện T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phan Huỳnh Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thiện T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi trẻ Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà và T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 01/12/2020 ông T trình bày:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ lâu. Do công việc, ông không thể thu xếp được nên ông xin được vắng mặt. Nếu ly hôn ông đồng ý giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014 cho bà T trực tiếp giữ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Thiện T có địa chỉ cư trú tại Quận 3, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn ông Trần Thiện T đã được tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần nhưng ông T không có mặt nên Tòa án đã lập Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T và bị đơn ông Trần Thiện T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phan Huỳnh Ngọc T và ông Trần Thiện T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét trong quá trình chung sống, bà T và ông T bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Hai vợ chồng không có sự sẻ chia, quan T, chăm sóc, yêu nhau. Mặc dù còn sống chung nhưng hai bên đã ly thân nhiều năm.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông T để trình bày ý kiến và hòa giải gia đình nhưng ông T cũng vắng mặt. Như vậy, có thể thấy ông T không muốn hòa giải để gia đình được đoàn tụ, vợ chồng không có sự thương yêu, quan T chăm sóc, không cùng bà T xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cho con chung làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 01/12/2020 bị đơn ông Trần Thiện T cũng xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ lâu. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông T đều xác nhận có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sự yêu thương, quan T, chăm sóc nhau không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Bị đơn ông T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T đều trình bày hai bên có 01 con chung Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014. Ông T đồng ý giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014 cho bà T trực tiếp giữ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, bà T và ông T thống nhất về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Huỳnh Ngọc T được ly hôn với ông Trần Thiện T.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Trần Gia H, sinh ngày 05/4/2014 cho bà Phan Huỳnh Ngọc T trực tiếp giữ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Thiện T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Phan Huỳnh Ngọc T phải chịu và được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0007887 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Huỳnh Ngọc T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Ngọc T, bị đơn ông Trần Thiện T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 3;
- TAND TP. HCM;
- UBND Phường 5, Quận 3, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam Phương